TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/DS-ST
Ngày: 25/02/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lài
2. Ông Lý Thanh Bình

- ***Thư ký Tòa án:*** bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 337/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 31 đường H, phường N, Tp Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền:

1. ông Trương Vương Q, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, phường V, Tp Cần Thơ

Địa chỉ làm việc: số 66 V, Khu vực 10, phường V, Tp Cần Thơ

2. bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 9, xã Vĩnh Tường, Tp Cần Thơ

*** Bị đơn:** ông Lê Minh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực A, phường Ô, Tp Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/12/2024, bà P và ông Lê Minh T có xác lập Hợp đồng cho mượn tiền. Theo hợp đồng, bà P cho ông T vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/5/2025. Việc giao nhận tiền được thực hiện qua chuyển khoản và thể hiện bằng sao kê tài khoản ngân hàng của bà P.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán được một phần tiền gốc là 96.000.000 đồng. Do đó, số tiền gốc còn lại là 404.000.000 đồng.

Kể từ sau khi nhận tiền vay, ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền gốc còn nợ 404.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 14/12/2024 đến ngày 25/02/2026 theo mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 404.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Lê Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng cho mượn tiền ngày 10/12/2024 có chữ ký của các bên và sao kê tài khoản ngân hàng thể hiện việc chuyển tiền, có đủ cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Lê Minh T có giao kết hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc bị đơn đã thanh toán một phần tiền gốc 96.000.000 đồng thể hiện bị đơn thừa nhận quan hệ vay và nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn lại là 404.000.000 đồng là có căn cứ.

Theo Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn lại là phù hợp pháp luật, cần được chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm trên số tiền 404.000.000 đồng từ ngày 14/12/2024 đến ngày 25/02/2026 là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng cho mượn tiền.

Mức lãi suất 20%/năm không vượt quá mức lãi suất tối đa theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Thời gian tính lãi từ 14/12/2024 đến 25/02/2026 là 439 ngày.

Tiền lãi được xác định như sau: 404.000.000 đồng x 20%/năm × 439 ngày/365 ngày = 97.181.260 đồng (làm tròn). Sau khi khấu trừ vào số tiền lãi là 40.000.000 đồng mà phía nguyên đơn đã nhận của bị đơn thì tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử là: 404.000.000 đồng + 57.181.260 đồng tiền lãi. Tổng cộng: 461.181.260 đồng.

[2.3] Về án phí

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 235, Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P:

Buộc ông Lê Minh T thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền tính đến ngày 25/02/2026 là 461.181.260 đồng (bốn trăm sáu mươi mốt triệu một trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/02/2026) cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 22.447.250 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.349.860 đồng theo biên lai số 0007971 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thanh Thái

* ***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TPCT;
- VKSND KV2-CT;
- THADS TPCT;
- Lưu .